

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc miễn, giảm học phí trong học kỳ I, năm học 2025-2026
đối với HSSV thuộc đối tượng ngoài chế độ chính sách**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 7 tháng 01 năm 2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 4357/QĐ-BNN-TCCB ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-TCĐLTTP ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm về việc ban hành quy định về miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV họp ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc xét chế độ chính sách cho HSSV học kỳ I, năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm học phí trong học kỳ I, năm học 2025-2026 cho 5 SV ngoài chế độ chính sách (Có danh sách kèm theo). Tổng số tiền giảm: **15.565.000 VNĐ**

Viết bằng chữ: Mười lăm triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng y

Những sinh viên có tên trên không được miễn giảm học phí những học phần theo Điều 8 của Quy định về miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên ban hành theo Quyết định số 814/QĐ-TCĐLTTP ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm.

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng Phòng, Khoa, Trung tâm; GVCN, HSSV có tên trên căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTHSSV (Quỳnh).

Đỗ Chí Thịnh

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG

LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HSSV ĐƯỢC GIẢM HỌC PHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TCĐLTTP ngày tháng 11 năm 2025 của
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm)

TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức giảm	Số tiền (đ)
1	23CC010036	Phan Tiến Việt	23C2	Mồ côi cha, mẹ ốm đau, hoàn cảnh gia đình khó khăn.	50%	2.635.000
2	23CC050008	Nguyễn Thành Văn	23I	Ba bị chấn thương sọ não, nhà đông con, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.	50%	2.810.000
3	23CC130006	Lê Trần Khánh Nhung	23KS	Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, Mẹ đơn thân, làm nông, tuổi đã cao, thường xuyên đau ốm	50%	2.755.000
4	23CC160015	Trương Thị Phụng	23KS	Ba bị liệt nửa người, gia đình khó khăn thuộc hộ cận nghèo	50%	2.755.000
5	24CC130011	Bùi Quang Lâm	24KS	Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, Ba bệnh nặng, mẹ công việc không ổn định, thu nhập bấp bênh	50%	4.610.000
Tổng cộng:						15.565.000